TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-3-2023
V/v "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Huỳnh Văn Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Thanh Bình.

2/ Ông Phạm Xuân Trường.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tấn Sang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 563/2022/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 12 năm 2022, về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1976; *nơi cư trú*: Số A, đường số B, thôn C, xã NC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn P, sinh năm 1974; *nơi cư trú*: Ngách thuộc đường số A, tổ B, thôn C, xã NC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt chị X, vắng mặt anh P có lý do (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 06/3/2023).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 21 tháng 12 năm 2022, các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị X trình bày: Chị và anh Nguyễn P (tức Nguyễn Văn P) tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại UBND xã NC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh P thường xuyên uống rượu say sỉn rồi gây gỗ, đánh đập chị. Từ đó giữa vợ chồng luôn bất hòa lẫn nhau, không tìm được tiếng nói chung. Vì chung sống không có hạnh phúc nên chị và anh P đã ly thân từ năm 2008 đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quý trọng nhau; mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn lại được. Chị đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn P.

Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06 tháng 03 năm 2023, đơn đề nghị xét xử vắng mặt lập ngày 06/3/2023, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Nguyễn P trình bày: Về quá trình kết hôn theo như chị Nguyễn Thị X đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2008 chị X bỏ nhà đi nơi khác sinh sống cho đến nay, từ đó hai vợ chồng không còn chung sống với nhau. Về mâu thuẫn vợ chồng mà chị X trình bày là không đúng, anh thỉnh thoảng có uống rượu nhưng vẫn lao động, gánh vác gia đình và chăm sóc tốt cho các con; còn chị X bỏ đi nhiều năm, không làm tròn trách nhiệm với gia đình. Vì vậy, chị X yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý. Do bận công việc nên anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng do bị đơn anh Nguyễn P không đến Tòa án nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hôn nhân: Năm 1995, chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn P kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã NC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài, anh chị không tìm được tiếng nói chung, không thông cảm chia sẻ cho nhau. Hiện anh chị đã sống ly thân từ năm 2008 đến nay. Nay chị X xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh P và cương quyết xin ly hôn. Thấy rằng, quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh P đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị X là có căn cứ.

Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng*:*

[1.1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào điểm a khoản Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Nguyễn P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt lập ngày 06/3/2023. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở để kết luận đây là quan hệ pháp luật ly hôn, được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và theo giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyển số 01/95, cấp năm 1995 của UBND xã NC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Thấy rằng, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn P (tức Nguyễn Văn P) là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi anh chị chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống; vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau, từ đó không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Mặc dù anh P không đồng ý ly hôn, nhưng xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa; trong khoảng thời gian sống ly thân từ năm 2008 đến nay, giữa anh chị không còn quan tâm, liên lạc với nhau nên tình cảm vợ chồng bị rạn nức, lạnh nhạt. Qua đó thấy rằng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu

cầu khởi kiện ly hôn của chị X là phù hợp thực tế và đúng theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Chị X và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị X là người khởi kiện ly hôn nên chị phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo luật định, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

[3] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: **Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.**

1/ Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X ly hôn anh Nguyễn P.

2/ Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Chị X và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp

là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012725 ngày 29/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (28/3/2023), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Đức Linh;
-Chi cụcTHADS huyện Đức Linh;
-UBND xã NC;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Thuận